

Số: 35 /TB-BVTM

Cần Thơ, ngày 17 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: DS. Phạm Minh Vi- Thủ kho Hóa chất vật tư y tế

- Số điện thoại: 0939 893 143

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược– Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ, số 204 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Nhận bản scan báo giá và file excel báo giá qua địa chỉ email: dauthaukdbvtm@gmail.com

- Nội dung ghi ngoài bì thư báo giá: **Báo giá Gói thầu “Mua sắm hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ năm 2025”**

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09 giờ 00 phút ngày 18 tháng 7 năm 2025 đến trước 16 giờ 00 phút ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Mua sắm hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ năm 2025: Theo danh mục hàng hóa đính kèm tại Phụ lục 1.

2. Biểu mẫu báo giá: Theo mẫu đính kèm tại Phụ lục 2

LƯU Ý: Đối với các nhóm hóa chất, công ty phải báo giá đầy đủ các mặt hàng trong nhóm.

3. Địa điểm cung cấp: tại khoa Dược Bệnh viện Tim mạch TP. Cần Thơ, địa chỉ số 204 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam gửi báo giá theo địa chỉ và thời gian nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: VT, KD.



P. GIÁM ĐỐC

BSCKII. Lê Tân Tổ Anh



DANH MỤC MUA SẴM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NĂM 2025

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. HÓA CHẤT NHÓM					
I.1. NHÓM HUYẾT HỌC					
1	HCN.01	Hóa chất đếm hồng cầu lưới	Hóa chất sử dụng để định lượng hồng cầu lưới trong máu	ml	820
2	HCN.02	Hóa chất chứng huyết học nồng độ thấp	Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức thấp, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động	ml	72
3	HCN.03	Hóa chất chứng huyết học nồng độ bình thường	Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức bình thường sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động	ml	72
4	HCN.04	Hóa chất chứng huyết học nồng độ cao	Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu mức cao, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động	ml	72
5	HCN.05	Hóa chất dùng cho phương pháp đếm tế bào trên hệ thống huyết học tự động	Hóa chất dùng cho phương pháp đếm tế bào trên hệ thống huyết học tự động	ml	98.750
6	HCN.06	Hóa chất dùng để cố định bạch cầu, bạch phân bạch cầu, ly giải hồng cầu	Hóa chất dùng để cố định bạch cầu, bạch phân bạch cầu, ly giải hồng cầu	ml	90.700
7	HCN.07	Hóa chất Rửa sạch toàn bộ hệ thống đường dẫn và các buồng đếm	Hóa chất rửa sạch toàn bộ hệ thống đường dẫn và các buồng đếm	ml	77.760
8	HCN.08	Hóa chất tạo dòng chảy tế bào bạch cầu đi qua buồng đo	Hóa chất tạo dòng chảy tế bào bạch cầu đi qua buồng đo	ml	32.700
9	HCN.09	Hóa chất Tạo dòng chảy tế bào, tham gia vào quá trình phân tích hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và hồng cầu lưới; rửa sạch các đường dẫn trong đến buồng đếm tế bào, cung cấp đường baseline cho quá trình đo Hemoglobin	Hóa chất tạo dòng chảy tế bào, tham gia vào quá trình phân tích hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và hồng cầu lưới; rửa sạch các đường dẫn trong đến buồng đếm tế bào, cung cấp đường baseline cho quá trình đo Hemoglobin	ml	480.000
I.2. NHÓM HbA1C TỰ ĐỘNG					
1	HCN.10	Dung dịch rửa máy trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Dung dịch rửa được sử dụng để rửa sạch protein và chất béo từ máu bám vào dụng cụ và thiết bị xét nghiệm.	ml	500
2	HCN.11	Hóa chất hiệu chuẩn HbA1C trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Hóa chất hiệu chuẩn, phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC)	ml	54
3	HCN.12	Hóa chất ly giải hồng cầu trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Hóa chất được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống. Xét nghiệm HbA1c bằng phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC).	ml	108.000
4	HCN.13	Hóa chất nội kiểm HbA1C trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Thuốc thử được thiết kế để sử dụng như một vật liệu quản lý chất lượng nhằm theo dõi độ chính xác và độ đúng của định lượng HbA1c.	ml	24
5	HCN.14	Rửa giải vùng A0 và biến thể Hb (HbC và các biến thể khác) trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Hóa chất dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Rửa giải vùng A0 và biến thể Hb (HbC và các biến thể khác). - Phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC).	ml	16.800
6	HCN.15	Rửa giải vùng A0 và biến thể Hb (HbS) trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Hóa chất dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Rửa giải vùng A0 và các biến thể Hb (HbS). - Phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC)	ml	16.800
7	HCN.16	Rửa giải vùng A0 và làm bền cột Column trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Hóa chất dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Rửa giải vùng A0 và làm bền cột Column. - Phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC).	ml	33.600
I.3. NHÓM MIỄN DỊCH ĐIỆN HÓA PHÁT QUANG					
1	HCN.17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol	- Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước bọt người, được dùng để nhận biết và điều trị các rối loạn chức năng của tuyến thượng thận. - Nguyên lý xét nghiệm cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm: dưới 20 phút. - Độ ổn định của thuốc thử trên máy phân tích: > 8 tuần	Test	2.400
2	HCN.18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol	- Cortisol CalSet được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng, là huyết thanh người đông khô chứa cortisol với hai khoảng nồng độ. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm Cortisol (tổng hợp) với hai khoảng nồng độ (khoảng 12.5 nmol/L hoặc 0.45 µg/dL và khoảng 1000 nmol/L hoặc 36 µg/dL)	ml	12
3	HCN.19	Bộ xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	- Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng PCT (procalcitonin) trong huyết thanh và huyết tương người, có thể được dùng để hỗ trợ phát hiện sớm nhiễm khuẩn lâm sàng.	Test	400
4	HCN.20	Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP	Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng N-terminal pro B-type natriuretic peptide trong huyết thanh và huyết tương người.	Test	1.000





5	HCN.21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP	- proBNP II CalSet được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP II. - proBNP II CalSet là hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa NT-proBNP tổng hợp (1-76) với hai khoảng nồng độ. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ProBNP với hai khoảng nồng độ (khoảng 16.6 pmol/L hoặc 140 pg/mL và khoảng 320 pmol/L hoặc 2700 pg/mL) trong huyết thanh ngựa. Giá trị chuẩn định chính xác đặc hiệu cho từng lô được mã hóa thành mã vạch cũng như in trên tờ giá trị mẫu chuẩn đính kèm (hoặc dưới dạng văn bản điện tử).	ml	8
6	HCN.22	Thuốc thử xét nghiệm Troponin T hs	- Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người	Test	4.800
7	HCN.23	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T hs	- Troponin T hs CalSet được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T hs. - Troponin T hs CalSet là huyết thanh người đông khô chứa troponin T với hai khoảng nồng độ. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm Troponin T (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 18 ng/L hoặc pg/mL và khoảng 4200 ng/L hoặc pg/mL) trong huyết thanh người.	ml	12
8	HCN.24	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin	- Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang - Xét nghiệm invitro dùng để định lượng Ferritin trong huyết thanh và huyết tương người - Độ lặp lại : 10-40 ng/ml < 7% CV 50-400 ng/ml < 4% CV - Độ chính xác trung gian : 10-40 ng/ml < 7% CV 50-400 ng/ml < 7% CV	Test	6.000
9	HCN.25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	- CalSet Ferritin dùng chuẩn định xét nghiệm Ferritin . - Ferritin CalSet chứa huyết thanh người ở dạng pha sẵn và Ferritin được thêm vào với hai khoảng nồng độ.	ml	16
10	HCN.26	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	- Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang - Xét nghiệm invitro dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người - Độ lặp lại : > 3-50 pmol/l ≤ 5% CV (độ tin cậy ≥ 95%) - Độ chính xác trung gian : > 3-50 pmol/l ≤ 8% CV (độ tin cậy ≥ 95%)	Test	1.600
11	HCN.27	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3	- CalSet FT3 dùng chuẩn định xét nghiệm FT3 - FT3 CalSet chứa huyết thanh người ở dạng đông khô và T3 được thêm vào ở hai khoảng nồng độ. - Ổn định ở 2 - 8 °C sau khi hoàn nguyên: ≥ 8 tuần	ml	16
12	HCN.28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	- Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang - Xét nghiệm invitro dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người - Độ lặp lại : > 5-100 pmol/l ≤ 5% CV (độ tin cậy ≥ 95%) - Độ chính xác trung gian : > 5-100 pmol/l ≤ 8% CV (độ tin cậy ≥ 95%)	Test	3.000
13	HCN.29	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	- CalSet FT4 III được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys FT4 - CalSet FT4 III là hỗn hợp đậm/protein sẵn sàng để sử dụng chứa L-thyroxine với hai khoảng nồng độ (khoảng 10 pmol/L hoặc 0.78 ng/dL và khoảng 45 pmol/L hoặc 3.5 ng/dL) trong hỗn hợp đậm/protein.	ml	16
14	HCN.30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	- Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang - Xét nghiệm invitro dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người	Test	3.000
15	HCN.31	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	- CalSet TSH dùng chuẩn định xét nghiệm TSH - TSH CalSet chứa huyết thanh người và TSH người ở hai khoảng nồng độ.	ml	20,8
16	HCN.32	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng thyroid peroxidase	- Xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể kháng thyroid peroxidase trong huyết thanh và huyết tương người, được dùng hỗ trợ chẩn đoán bệnh tuyến giáp tự miễn.	Test	200
17	HCN.33	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng thyroid peroxidase	- Anti-TPO Calset dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TPO - Anti-TPO Calset là hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa kháng thể kháng TPO với hai khoảng nồng độ.	ml	6
18	HCN.34	Thuốc thử xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TSHR	- Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang - Xét nghiệm miễn dịch in vitro sử dụng kháng thể đơn dòng kích thích tuyến giáp người được dùng để định lượng tự kháng thể kháng thụ thể TSH trong huyết thanh người.	Test	200

19	HCN.35	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TSHR	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys Anti - TSHR trên máy xét nghiệm miễn dịch Là hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa kháng thể kháng TSHR người với hai khoảng nồng độ	ml	8
I.4. NHÓM SINH HÓA TỰ ĐỘNG -I					
1	HCN.36	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng albumin trong nước tiểu, huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy người.	Test	5.000
2	HCN.37	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người	Test	9.000
3	HCN.38	Thuốc thử xét nghiệm Protein	Dùng xét nghiệm in vitro định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh, huyết tương người. - Phương pháp đo màu phản ứng trong dung dịch alkaline - Serum/Plasma : Độ lặp lại : <1.4 %CV .Độ chính xác trung gian : < 2.5%CV	Test	300
4	HCN.39	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	Xét nghiệm dùng để định lượng LDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đo màu dùng men. Khoảng đo: 0.10-14.2 mmol/L	Test	5.000
5	HCN.40	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng hoạt tính xúc tác của tiểu đơn vị creatine kinase MB (CK-MB) trong huyết thanh và huyết tương người.	Test	2.200
I.5. NHÓM ĐỒNG MÁU					
1	HCN.41	Hoà chất xét nghiệm đồng máu PT	Xét nghiệm xác định thời gian protrombin huyết tương người. Thành phần chính Calciferous Thromboplastin ≤1.0%; Preservative: sodium azide ≤0.1%. Giá trị đo được của huyết tương 10 ~ 14 giây.	ml	480
2	HCN.42	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích, Protease<0.50%	ml	2.400
I.6. NHÓM SINH HÓA TỰ ĐỘNG -2					
1	HCN.43	Hóa chất xét nghiệm Axit Uric	Hóa chất xét nghiệm Acid uric trong máu. Độ tuyến tính ≥ 1.5mmol/l. Độ nhạy ≥ 0.08mg/dl.	ml	7.500
2	HCN.44	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Xét nghiệm Cholesterol trong máu. Độ nhạy ≥ 0.2 mmol/l (7.74mg/dl).	ml	9.600
3	HCN.45	Hóa chất xét nghiệm Triglyceride	Xét nghiệm Triglyceride trong máu. Độ tuyến tính: ≥ 9.0mmol/l.	ml	3.750
4	HCN.46	Hóa chất xét nghiệm HDL cholesterol trực tiếp	Hóa chất xét nghiệm HDL cholesterol trực tiếp. Độ tuyến tính ≥140mg/dl.	ml	1.600
5	HCN.47	Hóa chất xét nghiệm LDL Cholesterol trực tiếp	Hóa chất xét nghiệm LDL cholesterol trực tiếp. Độ tuyến tính ≥ 400mg/dl.	ml	4.800
6	HCN.48	Hóa chất xét nghiệm GGT	Hóa chất xét nghiệm GGT trong máu, độ tuyến tính ≥ 1000U/L.	ml	2.250
I.7. NHÓM ĐIỆN GIẢI ĐỘ 5 THÔNG SỐ					
1	HCN.49	Dung dịch thuốc thử điện giải	Xét nghiệm phân tích 5 thông số K, Na, Cl, Ca, pH, dùng làm dung dịch rửa và tiêu chuẩn điểm đơn. Bao gồm 650ml Standard A solution: K ⁺ : ≤4.00 mmol/l; Na ⁺ : ≤140.0 mmol/l; Cl ⁻ : ≤100.0 mmol/l; Ca ²⁺ : ≤1.00 mmol/l; 350ml Standard B solution: K ⁺ : ≤8.00 mmol/l; Na ⁺ : ≤110.0 mmol/l; Cl ⁻ : ≤70.0 mmol/l; Ca ²⁺ : ≤2.0 mmol/l; Waste container.	ml	20.000
2	HCN.50	Dung dịch nội kiểm	Dung dịch nội kiểm 5 thông số Na, K, Cl, Ca, pH với 3 mức dùng để kiểm tra hiệu suất của máy phân tích điện giải. Bao gồm Organic buffer <0.1%; Inorganics salts <1.0%; Preservative <0.05%; Deionized water. Là dung dịch không màu, không mùi.	ml	120
3	HCN.51	Dung dịch chuẩn ion đồ	Dung dịch chuẩn Ion đồ.	ml	200
4	HCN.52	Dung dịch rửa máy điện giải 5 thông số	Dung dịch làm sạch để ngăn protein tích tụ. Loại mẫu: huyết thanh và nước tiểu. Bao gồm Cleaning Solution; Buffer; Preservative; Proteolytic enzymes	ml	500
5	HCN.53	Dung dịch pha loãng mẫu nước tiểu	Dung dịch pha loãng mẫu nước tiểu gồm Urine Diluent: Buffer, Preservative	ml	200
II. HÓA CHẤT LÉ					
1	HC.54	Test chất gây nghiện	Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là ≥300 ng/mL; Codein là ≥300 ng/mL; Heroin là ≤10 ng/mL; AMP là ≥500 ng/ml ; THC là ≥ 50 ng/ml Độ lặp lại ≥ 75% Độ chính xác : MOP ≥ 95%; AMP ≥ 98%; THC ≥ 97.8%; Heroin ≥ 98%; Codeine ≥ 94.9% Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả.	Test	200
2	HC.55	Test phát hiện định tính xoắn khuẩn giang mai	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng giang mai từ huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. Độ nhạy: ≥ 99.9% , độ đặc hiệu ≥ 99.1% so với TPHA Vạch thử phụ Syphilis; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng	Test	200



3	HC.56	Xét nghiệm nhanh kháng nguyên Dengue NS1	Phát hiện các kháng nguyên NS1 của vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người Độ nhạy tương quan: $\geq 92\%$ so với RT-PCR Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 98,5\%$ so với RT-PCR Độ chính xác 100% Có thể phát hiện được tất cả 4 type Dengue bao gồm: Dengue type I, II, III, IV	Test	1.500
4	HC.57	Xét nghiệm nhanh kháng thể (IgG và IgM) Dengue	Phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người Độ nhạy tương quan: $\geq 97,3\%$ so với ELISA Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 96,5\%$ so với ELISA Độ chính xác: $\geq 99,9\%$ Có thể phát hiện được tất cả 4 type Dengue bao gồm: Dengue type I, II, III, IV	Test	500
5	HC.58	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. Độ nhạy: $\geq 99,9\%$, độ đặc hiệu: $\geq 99,9\%$ đối với HIV-1 và HIV-2 Vạch thử T1: HIV-1 phân nhóm O; Vạch thử T2: HIV-2	Test	800
6	HC.59	Test nhanh phát hiện máu ẩn trong phân	Phát hiện định tính Hemoglobin người trong mẫu phân. Giá trị cut-off là $\geq 50\text{ng/ml}$ đối với hemoglobin người. Độ nhạy lâm sàng $> 99\%$, độ đặc hiệu lâm sàng $> 80\%$.	Test	500



BẢO GIÁ ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các Hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất xét nghiệm và dịch vụ liên quan

STT	Mã số thầu	Tên hàng hóa báo giá	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Chủng loại (Ký, mã, nhãn hiệu, model) ⁽²⁾	Mã HS ⁽³⁾	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/khối lượng ⁽⁴⁾	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) ⁽⁵⁾ (VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) ⁽⁵⁾ (VNĐ)	Chí chú
1													
2													
n													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))